SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN, HẠNH PHÚC HƠN

BIỂU PHÍ
SẢN PHẨM BẢO HIỂM AN BÌNH ƯU VIỆT

(Tính trên 1.000 đồng Số tiền bảo hiểm)

Thời hạn đóng phí 5 năm:

Tuổi	Nam	Nữ
12	4,20	
13	4,19	
14	4,17	
15	4,16	
16	4,16	
17	4,17	
18	4,17	
19	4,17	
20	4,22	
21	4,26	
22	4,28	
23	4,29	
24	4,31	
25	4,33	
26	4,34	
27	4,36	
28	4,39	3,71
29	4,44	3,73
30	4,52	3,75
31	4,62	3,78
32	4,77	3,84
33	4,96	3,93
34	5,16	4,05
35	5,37	4,20
36	5,55	4,37
37	5,79	4,55
38	6,02	4,70
39	6,27	4,88

Tuổi	Nam	Nữ
40	6,54	5,08
41	6,85	5,30
42	7,18	5,52
43	7,54	5,76
44	7,93	6,03
45	8,36	6,31
46	8,81	6,62
47	9,31	6,94
48	9,88	7,30
49	10,49	7,69
50	11,32	8,23
51	12,21	8,82
52	13,24	9,48
53	14,41	10,22
54	15,77	11,15
55	17,43	12,33
56	18,82	13,19
57	20,41	14,15
58	22,29	15,32
59	24,15	16,49
60	26,19	17,83
61	28,51	19,36
62	31,13	21,05
63	34,09	22,97
64	37,02	24,87
65	40,21	27,03

SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN, HẠNH PHÚC HƠN

BIỂU PHÍ
SẢN PHẨM BẢO HIỂM AN BÌNH ƯU VIỆT

(Tính trên 1.000 đồng Số tiền bảo hiểm)

Thời hạn đóng phí 10 năm:

Tuổi	Nam	Nữ
12	3,55	
13	3,66	
14	3,77	
15	3,87	
16	3,96	
17	4,06	
18	4,20	
19	4,22	
20	4,28	
21	4,32	
22	4,35	
23	4,35	
24	4,36	
25	4,38	
26	4,40	
27	4,42	
28	4,44	3,75
29	4,50	3,77
30	4,57	3,79
31	4,68	3,83
32	4,83	3,89
33	5,01	3,97
34	5,21	4,09
35	5,42	4,24
36	5,64	4,40
37	5,90	4,57
38	6,18	4,76
39	6,48	4,97

Tuổi	Nam	Nữ
40	6,81	5,21
41	7,19	5,47
42	7,62	5,74
43	8,07	6,04
44	8,57	6,36
45	9,12	6,71
46	9,75	7,12
47	10,46	7,57
48	11,24	8,04
49	12,11	8,58
50	13,07	9,17
51	14,14	9,91
52	15,35	10,65
53	16,71	11,46
54	18,25	12,45
55	20,04	13,68
56	21,76	14,75
57	23,69	15,95
58	25,89	17,33
59	28,11	18,74
60	30,52	20,29

SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN, HẠNH PHÚC HƠN

BIỂU PHÍ
SẢN PHẨM BẢO HIỂM AN BÌNH ƯU VIỆT

(Tính trên 1.000 đồng Số tiền bảo hiểm)

Thời hạn đóng phí 15 năm:

Tuổi	Nam	Nữ
12	3,64	
13	3,73	
14	3,83	
15	3,92	
16	4,00	
17	4,09	
18	4,21	
19	4,23	
20	4,29	
21	4,34	
22	4,38	
23	4,40	
24	4,44	
25	4,47	
26	4,51	
27	4,56	
28	4,61	3,84
29	4,70	3,88
30	4,81	3,93
31	4,95	4,00
32	5,14	4,09
33	5,37	4,21
34	5,61	4,37
35	5,88	4,55
36	6,17	4,75
37	6,63	4,97
38	7,01	5,22
39	7,43	5,49

Tuổi	Nam	Nữ
40	7,78	5,82
41	8,29	6,16
42	8,86	6,52
43	9,49	6,90
44	10,17	7,32
45	10,91	7,77
46	11,73	8,25
47	12,64	8,78
48	13,64	9,37
49	14,74	10,04
50	15,94	10,75
51	17,30	11,58
52	18,81	12,51
53	20,49	13,54
54	22,35	14,70
55	24,45	16,07